

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NG  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2021/HNGĐ-ST

Ngày 18 - 5 - 2021

*“Về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NG, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Huỳnh Minh Tính

*Các vị Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Bùi Thanh Minh  
2. Ông Lê Xuân Thanh

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Huỳnh Văn Lợi - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ng, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 18 tháng 5 năm 2021, Tòa án nhân dân huyện Ng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 289/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2020. Về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2021/QĐHPT ngày 22/4/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1987 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp Đông Hưng, xã Tân Hưng Đông, huyện C, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Anh Phạm Hoàng D, sinh năm 1986 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Đường Đào, xã Tam Giang Tây, huyện Ng, tỉnh Cà Mau.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Tại đơn khởi kiện ngày 14/12/2020 và các lời khai của nguyên đơn chị Nguyễn Thị B trình bày:*

Về hôn nhân: Chị B và anh D kết hôn ngày 16/5/2015 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Hưng Đông, huyện C, tỉnh Cà Mau. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và vợ chồng sống ly thân từ tháng 02 năm 2016 cho đến nay, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh D không quan tâm lo lắng gì đối với vợ, con. Chị B xét thấy vợ chồng không còn hạnh phúc nữa nên chị B yêu cầu xin ly hôn với anh D.

Về con chung: Chị B trình bày vợ chồng chung sống có 01 con chung tên là Phạm Thị Nhã Chân, sinh ngày 01/3/2016, hiện nay con đang sống với chị B. Sau khi ly hôn chị B yêu cầu được nuôi con, yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Chị B trình bày vợ chồng chung sống không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Chị B trình bày vợ chồng chung sống không có nợ ai, không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án không xem xét giải quyết.

Đối với anh Phạm Hoàng D, sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã thông báo cho D biết về nội dung yêu cầu tại đơn khởi kiện ngày 14/12/2020 nhưng anh D không có ý kiến gì. Tòa án triệu tập hợp lệ anh D để tham gia phiên hòa giải đến lần thứ hai nhưng anh D không đến và cũng không có văn bản gì gửi đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của chị B. Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng anh D vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt anh D theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

- Về thẩm quyền giải quyết: Xét thấy bị đơn anh Trần Hoàng D có nơi cư trú trên địa bàn huyện Ng, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ng theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ pháp luật: Xét đơn của chị Nguyễn Thị B khởi kiện xin ly hôn với anh Trần Hoàng D và yêu cầu nuôi con nên xác định quan hệ tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

#### **[2] Về nội dung:**

Về quan hệ hôn nhân: Chị B và anh D kết hôn ngày 16/5/2015 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Hưng Đông, huyện C, tỉnh Cà Mau nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Xét thấy, chị B và anh D không còn chung sống với nhau từ tháng 02 năm 2016 cho đến nay. Đối với anh D, Tòa án đã triệu tập xét xử đến lần thứ hai nhưng anh D vắng mặt không lý do, đồng thời anh D cũng không có

văn bản về ý kiến của mình gửi đến Tòa án chứng tỏ anh D đồng ý với yêu cầu của chị B. Hội đồng xét xử xét thấy, chị B và anh D đã ly thân từ tháng 02 năm 2016 đến nay tuy thời gian không dài nhưng anh D không tạo điều kiện để hàn gắn tình cảm vợ chồng để được đoàn tụ, chứng tỏ mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị B được ly hôn với anh D là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị B trình bày vợ chồng có 01 con chung tên là Phạm Thị Nhã Chân, sinh ngày 01/3/2016, hiện nay con đang sống với chị B. Sau khi ly hôn chị D yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Đối với anh D, Tòa án tổng đạt thông báo hòa giải đến lần thứ hai và triệu tập xét xử đến lần thứ hai nhưng anh D không có mặt. Do đó, Tòa án không làm việc với anh D được về việc yêu cầu nuôi con. Xét thấy, cháu Chân đã sống chung với chị B từ nhỏ, ổn định cuộc sống, tinh thần nên tiếp tục giao con cho chị B nuôi dưỡng là phù hợp. Đối với anh D là cha của cháu Chân vẫn có quyền được thăm nom con mà không ai được phép ngăn cản.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị B không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị B trình bày vợ chồng không có tài sản chung, anh D không ý kiến gì nên không xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị B trình bày vợ chồng không có không nợ chung, anh D không ý kiến gì nên không xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị B phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng: Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 243, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 09, 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

- Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị B được ly hôn với anh Phạm Hoàng D.

- Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị B tiếp tục nuôi Phạm Thị Nhã Chân, sinh ngày 01/3/2016. Anh D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị B phải chịu án phí số tiền là 300.000 đồng, chị B có dự nộp tạm ứng án phí số tiền là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006452 ngày 14/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiển, được chuyển thu. Anh D không phải chịu án phí.

Trong trường hợp Bản án (Quyết định) được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai chị B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với anh D được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi gửi:**

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Ng;
- CC THA huyện Ng;
- Dương sự;
- UBND xã Tân Hưng Đông;
- Lưu HS-VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Huỳnh Minh Tính**